PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 134/2014/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2014*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động, doanh nghiệp đang hoạt động có dự án đầu tư (xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất) trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện nhập khẩu máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư mà gặp khó

khăn khách quan về tài chính: chưa có nguồn tài chính để nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) ở khâu nhập khẩu; đang phải vay ngân hàng thương mại để nhập máy móc, thiết bị đầu tư cho sản xuất kinh doanh; trường hợp không được thông quan hàng hóa sẽ bị thiệt hại lớn do phải đình chỉ, kéo dài thời gian đầu tư thực hiện dự án thì được lựa chọn áp dụng gia hạn nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu và hoàn thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đầu tư (giấy phép hành nghề); có con dấu theo đúng quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của doanh nghiệp;

b) Có tổng giá trị nhập khẩu máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định từ 100 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

2. Máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, bao gồm: máy móc, thiết bị dùng để làm tài sản cố định chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh; tài sản cố định, máy móc, thiết bị của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở đào tạo; tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn.

Điều 2. Gia hạn nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu

1. Doanh nghiệp quy định tại Điều 1 Thông tư này được gia hạn nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong thời gian là 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định. Việc gia hạn nộp thuế áp dụng kể từ lô hàng hóa nhập khẩu đầu tiên về cảng mà giá trị chưa đến 100 tỷ đồng. Hàng hóa được thông quan ngay khi cơ quan hải quan hoàn thành việc kiểm tra thực tế.

2. Hồ sơ gia hạn nộp thuế:

a) Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế GTGT (01 bản chính), trong đó nêu rõ: (1) lý do gia hạn đối với số thuế GTGT của máy móc, thiết bị cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định; (2) cam kết kê khai chính xác; (3) cam kết và kế hoạch nộp số tiền thuế đề nghị gia hạn.

Trường hợp hàng hóa được nhập theo nhiều lô hàng, đối với lô hàng đầu tiên phải gửi kèm Danh mục hàng hóa nhập khẩu đề nghị gia hạn theo mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2013

của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó: dòng tiêu đề "Danh mục hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu" thay bằng "Danh mục hàng hóa được gia hạn nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu", dòng "7. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa được miễn thuế" thay bằng "7. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa được gia hạn nộp thuế GTGT" (nộp 02 bản chính Danh mục) kèm theo 02 Phiếu theo dõi, trừ lùi theo mẫu 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC.

Trường hợp số tiền thuế đề nghị gia hạn thuộc nhiều tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu khác nhau thì trong văn bản đề nghị gia hạn cần liệt kê các tờ khai hải quan đó.

b) Hồ sơ khai thuế của số tiền thuế GTGT xin gia hạn (01 bản chụp);

c) Hợp đồng mua hàng hóa nhập khẩu được đề nghị gia hạn nộp thuế GTGT, trường hợp có nhiều hợp đồng thì nộp tất cả các hợp đồng (01 bản chụp);

d) Văn bản phê duyệt dự án hoặc phương án đầu tư: Đối với trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư là giấy chứng nhận đầu tư; đối với trường hợp không có giấy chứng nhận đầu tư là văn bản phê duyệt của Hội đồng quản trị, hoặc của Đại hội cổ đông, hoặc của Giám đốc phù hợp với thẩm quyền ghi trong điều lệ của doanh nghiệp kèm văn bản đăng ký đầu tư và giấy biên nhận của cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư (01 bản chụp);

Trường hợp máy móc, thiết bị cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định vừa thuộc diện được gia hạn, vừa thuộc diện được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế nhập khẩu thì hồ sơ, thủ tục đề nghị gia hạn nộp thuế GTGT thực hiện cùng hồ sơ, thủ tục miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 102 Thông tư số 128/2013/TT-BTC. Những loại giấy tờ được yêu cầu đối với cả hồ sơ gia hạn nộp thuế và hồ sơ miễn thuế thì chỉ nộp đúng số lượng theo hồ sơ miễn thuế.

3. Trình tự gia hạn nộp thuế:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

a.1) Trường hợp hồ sơ gia hạn được nộp trực tiếp tại cơ quan hải quan, công chức hải quan tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ;

a.2) Trường hợp hồ sơ gia hạn được gửi qua đường bưu chính, công chức hải quan đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan hải quan;

a.3) Trường hợp hồ sơ gia hạn được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ gia hạn do cơ quan hải quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

b) Xử lý hồ sơ:

Trường hợp người nộp thuế đã gửi hồ sơ gia hạn nhưng chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan hải quan phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ.

Người nộp thuế phải hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung hồ sơ của cơ quan hải quan.

Trường hợp hồ sơ gia hạn đầy đủ, chính xác, đúng đối tượng theo quy định, cơ quan hải quan phải thông báo bằng văn bản về việc đồng ý gia hạn cho người nộp thuế biết trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) Trách nhiệm gia hạn:

c.1) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có trách nhiệm gia hạn đối với các trường hợp người nộp thuế có hồ sơ gia hạn nộp thuế mà số tiền thuế đề nghị gia hạn chỉ phát sinh tại một Chi cục Hải quan;

c.2) Cục trưởng Cục Hải quan có trách nhiệm gia hạn đối với các trường hợp người nộp thuế có hồ sơ gia hạn nộp thuế mà số tiền thuế đề nghị gia hạn phát sinh tại nhiều Chi cục Hải quan trong cùng một Cục Hải quan;

c.3) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm gia hạn đối với các trường hợp người nộp thuế có hồ sơ gia hạn nộp thuế mà số tiền thuế đề nghị gia hạn phát sinh tại nhiều Cục Hải quan.

Điều 3. Thủ tục và trình tự hoàn thuế GTGT

1. Hồ sơ hoàn thuế:

a) Văn bản đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, trong đó ghi lý do đề nghị hoàn trả là theo hướng dẫn tại Thông tư này (ghi rõ số Thông tư), trong hồ sơ chưa có chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu;

b) Bảng kê các tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đã đóng dấu xác nhận của cơ quan hải quan theo mẫu 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, trong đó ghi rõ gửi kèm văn bản đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 01/ĐNHT và cột ghi chú ghi rõ là "nợ chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu".

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ, hợp pháp và chính xác của hồ sơ, chứng từ, hóa đơn và các tài liệu khác có liên quan đến đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế.

2. Trình tự hoàn thuế:

a) Nộp và tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế:

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ hoàn thuế đến cơ quan thuế, trong hồ sơ chưa có chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu.

Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ hoàn thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

b) Xử lý hoàn thuế:

b.1) Trường hợp người nộp thuế đã gửi hồ sơ hoàn thuế nhưng chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ;

b.2) Trường hợp hồ sơ hoàn thuế đầy đủ, chính xác, đúng đối tượng theo quy định, cơ quan thuế có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp theo đúng quy trình hoàn thuế GTGT;

b.3) Trong thời gian tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế biết kết quả kiểm tra xác định hồ sơ hoàn thuế đã đủ điều kiện hoàn và yêu cầu người nộp thuế nộp chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu để cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế trước kiểm tra sau;

b.4) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu, cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra đối chiếu chứng từ nộp thuế với số liệu đã kê khai trong hồ sơ hoàn thuế của doanh nghiệp và ra quyết định hoàn thuế. Trường hợp số thuế GTGT đã nộp ghi trên chứng từ nộp thuế thấp hơn số thuế đề nghị hoàn ban đầu thì số thuế được hoàn là số thuế đã nộp ghi trên chứng từ nộp thuế; trường hợp số thuế GTGT đã nộp ghi trên chứng từ nộp thuế cao hơn số thuế đề nghị hoàn ban đầu thì số thuế được hoàn là số thuế đề nghị hoàn ban đầu.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2014.

Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này có tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu

lực thi hành nhưng chưa đến thời hạn nộp thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, chưa nộp thuế thì được gia hạn nộp thuế và hoàn thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các trường hợp hoàn thuế GTGT khác không được hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn